

Bài 60. Kinh Tăng Chi | Chương Ba pháp | Phẩm Ananda (tt2) | Sư Giác Nguyên giảng 02/05/2018

Tôi thưa với quý vị, các vị vào Kinh Pháp Cú có một bài kệ mà Đức Phật dạy rằng:

“Không có một mùi hương nào trong đời này có thể đi ngược gió, ngoại trừ ra cái mùi hương của người có đức hạnh.”

Chúng ta thấy trong hệ thống Paltalk có rất nhiều room Nam Tông, chủ yếu giảng 423 câu Pháp Cú. Giảng tới giảng lui trong suốt nhiều năm. Cho nên gần như Phật tử Nam Tông nào có online nghe giảng đều biết bài kệ Pháp Cú này hết. Trong khi quý vị chỉ online còn nghe bài này, nói chi ngài A Nan. Một người như ngài A Nan làm sao không biết bài đó.

Nhưng vì người ngồi trước mặt ngài A Nan là Đức Phật, cho nên ngài tìm đủ cơ hội để ngài hỏi Đức Phật chuyện này chuyện kia. Bởi tất cả mọi đề tài khi qua đến Đức Phật thì có thể mở ra những bài học giáo lý rất sâu rộng, quan trọng.

Nhiều khi ngài đi bát, ngài thấy gì lạ lạ, ngài cũng về thưa với Đức Phật. Không phải thưa chuyện là đưa ra mấy đề tài nhằm nhí, mà ngài biết là tất cả mọi chuyện khi trình lên là Đức Phật sẽ có ngay một pháp thoại quan trọng.

Chẳng hạn có lần ngài đi bát, ngài thấy cả một đám đông bu lại nhìn một anh bắn cung. Người ta tặng một ít tiền thôi, người ta chỉ trái xoài nào thì anh bắn rớt trái xoài đó. Người ta chỉ cái lá nào, anh bắn rớt cái lá đó. Anh giỏi như vậy. Thì ngài A Nan thấy cái đó, về kể cho Đức Phật như vậy.

Đức Phật nghe vậy mới hỏi:

“A Nan nghĩ sao, chuyện bắn tên giỏi như vậy, khó làm như vậy, so với chuyện sợi tóc mình chẻ làm bảy, rồi mình cột tám bảy phần chẻ đó thành một mối, cái nào khó hơn?”

Ngài A Nan mới nói:

“Bạch Thế Tôn, bấn cung như ông đó thì khó thiệt. Nhưng sợi tóc chẻ làm bảy rồi cột túm bảy mối đó lại thì chuyện này còn khó hơn cái kia gấp ngàn vạn lần.”

Đức Phật mới dạy:

“Này A Nan, A Nan có biết rằng đã làm cái so sánh, thì chuyện bấn tên kia chỉ là một phần ngàn, một phần vạn của chuyện chẻ tóc ra thành bảy rồi túm lại. A Nan có biết rằng nhiều kẻ phàm phu không biết được, cái chuyện mà hiểu được Bốn Đế nó còn khó hơn chuyện chẻ tóc ra làm bảy rồi túm lại nữa.”

Bài kinh đó rất quan trọng vì nhiều lý do, mà trong đó có một lý do gần gũi chúng ta nhất. Đó là không ít người Việt Nam đi qua Miến Điện ngồi thiền thấy mát lạnh, thấy sung sướng, thấy hỷ lạc rồi cứ tưởng đặc cái này, đặc cái kia. Họ không biết một chuyện rất căn bản là muốn đắc Tu-đà-hườn thì chuyện đầu tiên anh phải thấy được Bốn Đế là gì. Anh phải thấy rằng bản thân anh, thân tâm anh là Bốn Đế nó hiển hiện trong đó. Cái tham ái của anh chính là Tập. Ngoài tham ái ra chính là Khổ. Nhận thức được như vậy chính là Đạo Đế.

Mà anh phải thấy được bằng chính trí tuệ giác ngộ của riêng anh, không thông qua bài vở từ chương chữ nghĩa; không thông qua những gì anh đọc trong sách hoặc nghe lại từ người khác; mà tự thân anh nhìn thấy nó bằng tất cả sự thẩm thía, cái thấy từ xương tủy, thì cái đó mới gọi là sự chứng ngộ.

Đồng thời cái thấy đó kéo theo nhiều thành tựu khác. Thí dụ như thấy làm sao đó mà thân kiến vĩnh viễn không còn nữa. Thấy rằng không có cái gì đáng để mình thấy nó hạnh phúc. Không có gì đáng để mình thấy nó vĩnh cửu. Không có gì đáng để mình thấy nó là “tôi”, là “của tôi”. Đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều như vậy. Là bỏ vĩnh viễn đối với thân kiến bản thân. Từ đó nhìn ra thế giới bên ngoài mình cũng không có chấp bất cứ cái gì. Cái gì thuộc về năm uẩn, dầu nội thân hay ngoại thân thì

nó đều là vô ngã, khổ não và vô thường hết. Thấy như vậy mới lìa bỏ được thân kiến. Nghe! Nó khó chứ không phải dễ.

Còn đấng này mình thấy mát lạnh, mình tưởng đặc rồi. Tới hồi rời thiền viện trở về đời thì y như cũ, “cốt khi hườn cốt khi”. Thì cái đó không phải Tu-đà-hườn nghe.

Còn người ta đặc Tu-đà-hườn rồi thì dầu trời có sập xuống, trái đất có vỡ tung ra, thì trong đầu người ta chỉ có hai chuyện thôi.

Chuyện thứ nhất: Tam Bảo muôn đời là vậy. Phật muôn đời là Đạo Sư duy nhất. Chánh pháp muôn đời là đường lối hành trì duy nhất. Tăng Bảo là đoàn thể giải thoát duy nhất. Đó là đặc điểm thứ nhất của vị Tu-đà-hườn.

Đặc điểm thứ hai là dầu trời đất càn khôn có đảo lộn, có nổ tung tất cả thành tro bụi, miễn là còn sống thì vị Tu-đà-hườn luôn luôn nhớ rằng vạn hữu ở đời do duyên mà có, có rồi phải mất. Đây là đặc điểm của Tu-đà-hườn.

Còn mình thì sao? Mình nói đặc này đặc kia nhưng cứ luôn luôn chăm bẵm thân này là thân của mình. Tài sản này là tài sản của mình. Tình cảm này là tình cảm của mình. Trái đất này là của chúng mình. Còn thấy mình hay, thấy mình giỏi, thấy mình trong sạch thanh tịnh, thấy mình tinh tấn, chánh niệm, thiền định, bla bla bla... Như vậy là chưa thấy được Bốn Đế. Nghe!

Một lần nữa, ngài A Nan đi bát, ngài thấy một ông hoàng từ trên đầu xuống tới chân là trắng toát hết. Khăn trùm màu trắng, khăn choàng màu trắng. Nguyên bộ trang phục màu trắng. Cây roi đánh ngựa màu trắng, thùng xe ngựa cũng sơn màu trắng, bốn con ngựa bạch dĩ nhiên trắng. Ngài thấy chuyện đó hơi lạ lạ, cũng hay hay. Ngài nghĩ trong bụng chuyện này về đến tai Đức Phật thế nào cũng có một bài pháp.

Đúng như vậy. Khi ngài về, ngài thưa với Phật:

“Sáng nay con đi bát, con thấy như vậy đó.”

Thì Đức Phật dạy:

“A Nan biết không, chiếc xe đó chỉ đưa ông hoàng đi một đoạn ngắn mà ông muốn. Chiếc xe đó nhiều lắm ông chỉ sử dụng trong thời gian ít lâu để đưa ông qua những đoạn đường ngắn mà ông muốn. Cỗ xe ông chỉ là màu trắng chứ không phải thanh tịnh. Riêng cỗ xe Chánh pháp, cỗ xe đưa mình tới giải thoát là cỗ xe thanh tịnh chứ không phải chỉ đơn giản là màu trắng.

Cỗ xe đó gồm những gì? Nó gồm có Giới, Định, Tuệ, Tàm, Quý, Chánh niệm, Thiền định. Nó gồm 37 phẩm Bồ Đề, Thất giác chi, Bát chánh đạo, Ngũ căn, Ngũ lực, Tứ niệm xứ, Tứ như ý túc, Tứ chánh cần. Cỗ xe đó mới đưa mình đến cứu cánh giải thoát. Trên đời này không có cỗ xe nào đưa mình đi xa như vậy, đem lại cho mình nhiều lợi lạc như vậy.

A Nan và các tỳ kheo phải nhớ rằng mỗi ngày phải luôn tâm niệm là tôi đang có mặt trên cỗ xe giải thoát để đi về cứu cánh giải thoát. Cỗ xe này xứng đáng để các người ngồi lên. Trên đời này không có cỗ xe nào xứng đáng để các người ngồi lên hết, dầu đó là cỗ xe bạch mã hay hắc mã thì không có cỗ xe nào bằng cỗ xe giác ngộ hết. Cứ mỗi lần ngồi dưới gốc cây sống với chánh niệm, trí tuệ, có nghĩa là chúng ta đang ngồi trong chiếc xe giải thoát.”

Mỗi lần đi, đứng, nằm, ngồi với chánh niệm và trí tuệ, lúc đó các người đang lặng lẽ ngồi trên cỗ xe giải thoát, để đi về cõi miền giải thoát.

Chỉ riêng hình ảnh đó thôi là Đức Phật cho cái pháp thoại là bát ngát, bao la, thơm phức!

Ở đây cũng vậy. Ngài A Nan, cái chuyện mùi hương đức hạnh lan tỏa ngược gió thì chuyện đó làm sao Ngài không biết. Nhưng Ngài vẫn thừa với Phật, vẫn hỏi Phật như là Ngài chưa biết gì hết:

“Bạch Thế Tôn, ở trên đời này có nhiều loại mùi hương: mỹ phẩm, hương liệu, mùi hương của hoa, của cây, của củ, của rễ, nhưng tất cả mùi hương ấy, sức lan tỏa của nó rất giới hạn, rất hạn chế. Đặc biệt là luôn luôn chỉ xuôi theo chiều gió. Vậy có mùi hương nào có thể đi ngược chiều gió và sức lan tỏa không giới hạn hay không?”

Đức Phật dạy:

“Có chứ. Có mùi hương thiện pháp.”

Có ba thứ thiện pháp ở đây. Trong trường hợp này Ngài chỉ nói có ba thôi: một là niềm tin, hai là bố thí, ba là giới hạnh. Tùy chỗ mà Ngài nói. Cái đức hạnh, thiện pháp, nhiều chỗ kể lắm.

Thiện pháp thứ nhất: giới hạnh.

Giới hạnh nghĩa là Bát giới, hoặc Ngũ giới được thọ trì với một lý tưởng giải thoát. Được thọ trì với trí tuệ, chứ không phải giữ giới như là một kiểu tín điều, giới điều suông. Giữ giới là hiếu vì đâu mình không sát sanh. Vì đâu mình không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối; vì đâu mình không sử dụng các chất say, các chất gây kích thích làm mê man thần trí. Đó là cái đức hạnh thứ nhất.

Đức hạnh thứ hai rất căn bản là bàn tay hào phóng.

Thấy rằng thân này, thế giới này, tài sản này, gia đình này là những ngôi nhà đang cháy. Chúng ta sẽ phải lìa bỏ nó trong một thời gian không xa. Trong ngôi nhà đang cháy thì chúng ta phải nhanh chóng đem ra những gì có giá trị, không để nó cháy theo ngọn lửa.

Ở đây, khi mình sắp lìa bỏ mọi thứ mình đi thì buông được cái gì thì buông. Trong đời mình có biết bao nhiêu lần mình buông, mà có những cái buông là do mình vượt tay cầm không được. Có những lần mình buông là do mình đem quăng, liệng, thấy nó không có giá trị.

Chỉ có một cái buông duy nhất có giá trị thôi. Đó là mình buông cái mình trân trọng, mình để cho nó về người khác, về người đang cần, thì cái buông này mới là buông của bố thí.

Tôi nói lại, có nhiều kiểu buông. Kiểu một, mình buông là vì mình vượt tay, không nắm được nữa. Kiểu hai là mình chỉ quăng bỏ những gì không cần tới, không thích nó nữa, không thấy nó có giá trị nữa. Cái buông thứ ba là mình vẫn thấy nó có giá trị, nó hay ho, nhưng vì người khác cần, mình buông ra. Cái buông này mới gọi là bố thí. Cái bố thí này mới gọi là một thứ đức hạnh.

Đức hạnh thứ ba là cái niềm tin.

Niềm tin đây là chánh tín. Trong Kinh Pháp Cú, Ngài dạy chúng sanh trong đời có đủ thứ niềm tin. Kính sợ quỷ thần, kính sợ ông Tà, ông Táo, cây cối, rừng rậm, sông ngòi, kinh rạch, đất đá, cây cỏ. Nhiều khi còn thờ lạy con này con kia. Như có những bộ tộc thờ rắn, có những bộ tộc thờ heo rừng, thờ rồng, thờ mây, thờ gió, thờ sương, thờ nắng, thờ mặt trăng, mặt trời.

Ngài nói giữa những niềm tin quái gở và vô ích đó, thì niềm tin quý hiếm nhất, giá trị nhất, lợi lạc nhất cho mình và cho đời kiếp này và kiếp sau, đó là tin nơi Tam Bảo. Tin vào Phật, tin vào người đại diện cho thiện pháp ở đời, đại diện cho con đường giải thoát. Tin vào Pháp, tin vào con đường, vào hành trì, hành trình dẫn đến giải thoát. Tin vào Tăng chúng là tin vào những đoàn thể thờ Phật và làm theo Phật, thờ Pháp và làm theo Pháp.

Thì với ba thứ thiện pháp này: bố thí, giới hạnh và niềm tin, chỉ riêng ba cái này thôi cũng đủ để cho một người có được một cái mùi hương lan xa ba cõi.

Bữa hôm mình nói rồi, chỉ riêng cái giới thôi, mỗi tháng ngày mùng 8, 14, 15, bốn Thiên vương và các vị hoàng tử, đại thần thì người ta cũng đi, thay phiên nhau đi tuần thú để quan sát nhân gian. Đó là chuyện cụ thể.

Còn chuyện xa xôi một chút đó là một người khi sống với những pháp lành, với những thiện pháp như vậy đó, thì chắc chắn họ tạo ra những từ trường, những sức lan tỏa tích cực lên trong vũ trụ này. Rất đơn giản thôi. Ở nơi chốn nào còn có người sống bằng niềm tin, bằng trí tuệ, bằng từ tâm, bằng bố thí, bằng giới hạnh, thì chắc chắn chúng sanh khác ít nhiều cũng được lợi lạc.

Thí dụ chuyện nhỏ thôi, các vị đặt chân tới xóm làng nào mà các vị thấy có người hiếu khách, dễ thương thì lòng các vị vui cỡ nào. Mình tới một nơi chốn mà thấy người ta mặt mày chăm bẵm thấy ghét, biểu lộ một nội tâm ích kỷ, nhỏ mọn, nghi kỵ, thù hằn, thành kiến là lòng mình không vui. Nói chi là mình có dịp gặp gỡ, tiếp xúc, gần gũi những người có giới, có thí, có trí, có niềm tin, thì sức lan tỏa của họ tác động tới chúng ta như thế nào.

Đức Phật dạy:

“Người có tu thiện pháp, tự thân họ đã là một thứ hương liệu có sức lan tỏa đi ngược chiều gió; có mùi hương không bị giới hạn bởi những diện tích không gian.”

Chúng ta biết trên đời có hai mùi: mùi dễ ngửi và mùi khó ngửi. Đó là hiếu nghĩa đen. Còn theo nghĩa bóng thì mỗi vật trên đời này đều có sức lan tỏa tích cực hay tiêu cực ra thế giới chung quanh. Người có đức hạnh là người có thể tạo ra từ trường hiền thiện, tạo ra sức lan tỏa tích cực.

Mùi hương đây hiếu là sức lan tỏa, sức ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực ra ngoài thế giới chung quanh. Tùy vào mỗi người mà sức lan tỏa ấy xa gần, mạnh yếu khác nhau. Bất thiện cỡ nào thì mình gây sức lan tỏa bao xa, gây cho người ta khó chịu bao nhiêu. Có những người cái bất thiện của họ làm khổ cả tỉnh, huyện lỵ, cả một vùng miền, cả một đất nước, cả một châu lục. Rồi có những người bất thiện của họ vừa đủ làm khổ mấy người chung quanh thôi.

Có những quyết định chính trị, văn hóa, tôn giáo; thí dụ bên Hồi giáo có những ông sếp có những quyết định “tào lao” mà ảnh hưởng đến biết bao nhiêu cái đầu Hồi giáo

trên thế giới. Chẳng hạn tại Hội giáo cực đoan, tại X đó, lãnh đạo họ đưa lên internet những lời hiệu triệu kêu gọi mà gây họa cho toàn cầu.

Nhưng ngược lại, có những người mà sức lan tỏa của họ rất rộng, đem lại niềm vui, nụ cười, đem lại an lạc cho người khác. Thì so với người kia, người kia chỉ mang lại mùi hôi, mùi thúi cho người khác thôi, xa gần tùy vào điều kiện của họ, điều kiện thiện ác của riêng họ. Còn những người tấm lòng cộng với phước báo của họ tạo ra mùi hương, tạo ra sự lan tỏa, tạo ra sức ảnh hưởng tích cực lên người khác.

Đó là Đức Phật gọi mùi hương ngược gió đó. Thí dụ mình thấy Đức Đạt Lai Lạt Ma chẳng hạn, như ngài Ajahn Chah, ngài Goenka, ngài Ajahn Naeb không còn nữa. Nhưng hôm nay các vị lên internet coi có bao nhiêu trung tâm Goenka trên toàn cầu. Đó là chết rồi, tiêu hoại hết rồi, ấy vậy mà sức ảnh hưởng của Ngài vẫn còn.

Cho nên mình sống làm sao với tâm niệm thế này: “Tôi sẽ để lại cái từ trường, một sức ảnh hưởng, một sự lan tỏa tích cực lên thế giới chung quanh tôi. Tôi sống, tôi nguyện không để lại mùi hôi, không để lại từ trường xấu, tác động xấu lên thế giới xung quanh tôi”.

Làm như vậy là hiểu được bài Kinh này, là làm đúng bài Kinh này.

Quan trọng lắm! Đừng nói mình tu một mình mình ở nhà, ở trong cốc, trong cái thất nhỏ nhỏ rồi không ảnh hưởng tới ai. Trong lòng mình có bố thí, có giới, có niềm tin, có trí tuệ, có chánh niệm, có thiền định, thì tuy mình đóng cửa lại, mình nói không ảnh hưởng tới ai, nhưng thật ra nó có ảnh hưởng. Bởi vì sao? Vì ngoài chuyện mình tác động lên Long thần Hộ pháp, ảnh hưởng lên đến linh khí trời đất; mai này chỉ cần mình mở cửa ra, mình tiếp xúc với ai, thì tự nhiên người ta cảm nhận được sức lan tỏa, sức ảnh hưởng của mình ngay. Chớ không cần phải la làng um sùm bát nhả.

Kinh Abhibhu

Bài Kinh Abhibhu này có nội dung cũng có liên quan tới bài Kinh vừa rồi.

Cách đây 32 đại kiếp về trước, có một vị Phật hồng danh là Sikhi. Vị này cũng là Chánh đẳng Chánh giác, Vô thượng Tam miệu Tam Bồ đề như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mình vậy đó. Phật Thích Ca Mâu Ni thì có ngài Xá Lợi Phất, ngài Mục Kiền Liên; còn vị này cũng có hai vị đại đệ tử y như vậy.

Vị đệ nhất trí tuệ của vị Phật Sikhi này cũng là đệ nhất trí tuệ như ngài Xá Lợi Phất vậy. Vị này có tên là Abhibhu. Abhibhu có nghĩa là người thắng trận, kẻ chinh phục mọi người, mọi nơi, mọi thứ, là toàn thắng. Biết thì dịch cho vui, chớ cái tên người nhiều khi không quan trọng, tên gì cũng là tên. Quan trọng là người ta ra sao.

Thì một hôm trước giờ ăn, Đức Phật Sikhi dùng Phật trí quan sát toàn thế giới, Ngài thấy rằng hôm nay Ngài và vị đệ nhất tinh văn của Ngài sẽ làm một việc lợi ích cho vô lượng chúng sanh trong thời gian chỉ có 3 phút thôi. Thế là Ngài gọi ngài Abhibhu, nói:

“Chúng ta đi lên Phạm thiên giới một chút, rồi chúng ta sẽ quay về đây trước giờ ăn.”

Nhanh như vậy! Ngài Abhibhu “dạ”, rồi cả hai thầy trò biến mất lập tức, rồi hiện ra ở cõi Phạm thiên.

Thì khi chư Phạm thiên thấy Đức Thế Tôn và ngài Abhibhu lên, thì họ mới xuất hiện, đánh lễ xong. Với thần thông, họ sắp xếp hai chỗ ngồi, một chỗ cao, một chỗ thấp cho hai thầy trò. Khi Đức Phật ngồi xong, Ngài mới nói với ngài Abhibhu:

“Thuyết Pháp đi.”

Thế là ngài Abhibhu có một thời Pháp cho nhóm Phạm thiên đang ngồi trước mặt đó.

Mà quên, bà con nhìn vào bản Chánh Kinh thì bà con không thấy cái phần tôi đang kể đúng không? Thì cái phần này nằm trong cái chú giải của bài Kinh nên quý vị không thấy.

Thì khi ngài Abhibhu thuyết Pháp, lúc đó có một số đông các vị Phạm thiên suy nghĩ thế này: “Không mấy thuở Thế Tôn lên đây mà Ngài không thuyết Pháp, lại kêu đệ tử Ngài thuyết Pháp.”

Đức Phật biết suy nghĩ của họ nên nói với ngài Abhibhu:

“Người làm sao cho 1.000 thế giới nghe được Pháp thoại của người. Chớ còn chỉ các Phạm thiên này nghe thôi thì họ không tâm phục khẩu phục đâu.”

Thì ngài Abhibhu “dạ” một lần nữa. Bắt đầu Ngài thị hiện thần thông, nhập định đề mục, phóng quang chói ngời, chiếu sáng 1.000 vũ trụ. Ngài thuyết có 4 câu thôi, 4 câu có nội dung rất đơn giản:

“Hãy đứng dậy lên đường.

Hãy dẫn thân Phật Pháp.

Hãy đánh bại ma quân như voi phá chòi lá.”

Thì 1.000 vũ trụ nghe lanh lảnh 4 câu kệ đó.

“Hãy đứng dậy lên đường” là đừng say ngủ nữa. Đừng nằm vui trong chăn nữa. Đừng như con sâu làm tổ nữa.

“Hãy dẫn thân Phật Pháp” tức là hãy hành trì chứ đừng lười biếng nữa.

“Hãy đánh bại ma quân” tức là phiền não đó, “như voi mà nó phá chòi lá”.

Thì khi Ngài đọc bài kệ Ngài sáng tác tại chỗ đó, thì coi như mười ngàn vũ trụ chói lòa, lồng lộng tiếng nói của Ngài.

Khi chư Phạm thiên chấn động vậy, họ mới hỏi Ngài:

“Vậy chứ người mà có khả năng như Ngài vậy có nhiều lắm không?”

Ngài nói:

“Nhiều lắm.”

Ngài nói một cách khiêm tốn:

“Trong giáo pháp của Thế Tôn, bậc Đạo sư của tôi, cái người mà nghe được Phật, hiểu được Phật mà chứng Tu đà hườn nhiều vô số kể. Đắc được Tư đà hàm, A na hàm nhiều vô số kể. Đắc được La Hán nhiều vô số kể. Đắc được Tam minh, Lục thông, Bốn đại phân tích nhiều vô số kể. Nhiều đến mức ta không thể đưa ra một con số, vì như vậy thì là vọng ngữ.”

Ngài nói vậy xong thì hai thầy trò biến mất ở Phạm thiên giới và xuất hiện ở cõi người. Và đã tới giờ ăn, hai vị ôm bát đi khất thực.

Thì khi Thế Tôn kể câu chuyện này cho ngài A Nan nghe một lần. Lúc đó ngài A Nan nghe biết nghe vậy thôi, bởi vì tâm tư Ngài chìm sâu vào trong niềm hoan hỷ. Khi Ngài hỏi Thế Tôn:

“Bạch Thế Tôn, vị tỳ kheo Abhibhu làm cho 1.000 thế giới nghe được âm thanh của mình như vậy thì Thế Tôn chắc chắn là phải nhiều hơn.”

Đức Phật nói:

“Vị đó chỉ là một Thinh văn thôi. Các Đức Như Lai là vô lượng, trí tuệ vô hạn, thần thông vô hạn, khả năng vô hạn.”

Ngài A Nan nghe vậy vui quá, không hỏi thêm.

Một lần khác, Ngài mới hỏi Đức Thế Tôn:

“Lần đó con nghe Thế Tôn nói vô hạn, thì vô hạn là sao?”

Đức Phật mới giải thích:

“Cứ 1.000 mặt trời, 1.000 mặt trăng, như vậy 1.000 cõi Đao Lợi, như vậy mỗi thứ 1.000 gom thành một tiểu thiên thế giới.”

Mà tôi phải nói thêm, cái bản tiếng Việt ở đây bị in sai. Cho nên những gì chúng tôi kể, quý vị thấy không giống trong bản Chánh Kinh đó, do in vừa sai vừa sót nữa. Mà ngài Minh Châu chắc chắn không dịch sai rồi.

Đức Phật dạy rằng cứ mỗi vũ trụ vậy chỉ có một mặt trăng, một mặt trời thôi. Mà 1.000 cái như vậy làm thành cái Tiểu thiên thế giới. Cứ 2.000 cái Tiểu thiên làm thành cái Trung thiên. 3.000 cái Trung thiên làm thành cái Tam thiên đại thiên thế giới.

Các Đức Như Lai có thể phóng quang, phóng thanh cho đến vô lượng Tam thiên đại thiên thế giới bao xa tùy ý các Ngài muốn, không có giới hạn.

Ngài A Nan nghe vậy vui quá mới chấp tay lạy Phật, nói:

“Thật là may mắn cho con. Con có một vị Đạo sư vĩ đại như Thế Tôn. Trí tuệ vô hạn như Thế Tôn. Thần lực vô hạn như Thế Tôn.”

Thì ngài Udayi đứng kế bên mới nói:

“Tôn giả A Nan hình như nói dư. Mình khen Thế Tôn giống như khen phò mã tốt áo vậy đó.”

Đức Phật mới nói với ngài Udayi:

“Này Udayi, đừng nói như vậy. A Nan hoan hỷ thì A Nan nói vậy thôi, chứ Udayi có biết, nếu kiếp này A Nan không chứng La Hán, còn tiếp tục tái sanh trong ba cõi, thì chỉ riêng niềm tin của A Nan lúc phát biểu câu nói đó đủ cho A Nan bảy lần làm Thiên vương Đế Thích, bảy lần làm Chuyển luân vương và vô số lần làm phước chủ quốc độ.”

Có nghĩa là làm mấy ông vua lon con, lon con là vô số lần. Chỉ riêng cái khoản Đế Thích là bảy lần, Chuyển luân vương cai trị bốn hành tinh là bảy lần, chỉ vì một câu phát biểu: “May mắn thay cho con có một Đạo sư như Thế Tôn.”

Tôi biết trong room này có nhiều người không tin. Các vị nghĩ tại sao chỉ một câu niệm như vậy mà phước lớn như vậy?

Tôi xin thưa, tôi đã nói một ngàn lần là khi một người đã am tường Phật pháp rồi thì họ chỉ niệm Phật một câu, công đức gấp ngàn lần những người không biết giáo lý. Những người không biết giáo lý toàn là dân chỉ nghe ké không, thì họ thấy đã, thấy khoái thiệt; nhưng giáo lý mình biết càng nhiều, thí dụ biết Tứ Đế là gì, Mười hai duyên khởi là gì, Hai mươi bốn duyên hệ là gì, Ba mươi bảy phẩm Bồ đề, một ngàn năm trăm phiền não, một trăm lẻ tám phiền não, mười phiền não là gì, thì khi mình biết rõ mấy cái này, cái niềm tin của mình khủng khiếp lắm, bao la lắm.

Mình biết nhiều về má mình mình mới thương má được. Còn hồi nhỏ lớn sống xa má, gửi bên dì, cô, thím, mợ gì đó, giờ lớn lên bốn mươi tuổi mới lần đầu gặp má, thì biết đây là người sanh ra mình, mình cũng thương, nhưng cũng dòm bả thấy lạ hoặc hà. Các vị hiểu không?

Còn từ nhỏ tới lớn từng đi theo má, thấy má buôn gánh bán bưng, một nắng hai sương, tần tảo nuôi mình ăn học. Bao nhiêu lần đêm hôm mưa gió, chỗ ướt mẹ nằm, chỗ ráo con lăn. Bao nhiêu lần mình bệnh sốt, mẹ thức đêm ngồi canh cho mình. Bao nhiêu lần có miếng ăn ngon, mẹ nhường cho mình. Bao nhiêu lần mẹ ăn không đủ no, mặc không đủ ấm, chỉ vì lo cho mình. Mình hiểu hết những cơ cực của mẹ khi đi làm dâu, khi lặn lội chợ đời để lo cho mình. Mình hiểu vậy mình mới thương mẹ.

Phật cũng vậy. Mình không học giáo lý thì mình dựa vào cái gì để mình thương Phật, kính Phật, tin Phật? Toàn là ké không hà!

Cho nên niềm tin của người học giáo lý khác với người không học giáo lý. Còn chưa kể hườn hườn còn đi gặp mấy ông thầy, những vị thầy cú xúi đại:

“Học chi cho nhiều, ngồi thiền đi con.”

“Học mà không hành cũng vậy.”

Nghe thì câu này nó hay thiệt. Nhưng ngẫm lại đi, không học thì biết khi gì mà hành. Thứ hai là cứ cầm đầu hành, ít bữa nó lòi ra một đồng hoài nghi, hoang mang. Lúc đó mới tá hỏa thì muộn rồi, đầu hai thứ tóc học làm sao vô?

Tại sao tôi nói bài kinh này có liên quan bài kinh Mùi hương ngược gió ở trước? Vì chúng ta có là con giòi thì chúng ta cũng có ảnh hưởng nhất định, một sức lan tỏa nhất định ra thế giới xung quanh mình.

Sức lan tỏa là sao? Người nào nhìn con giòi họ có gớm không? Sự có mặt của con giòi có làm người ta có một cảm giác nhất định nào đó hay không? Thí dụ mình đang ăn cơm mà thấy con giòi bò đó, có ảnh hưởng bữa cơm mình hay không? Không biết trong room này có hiểu không?

Tôi nhắc lại. Đừng chê con giòi bé mọn mà không có sức lan tỏa. Có chứ! Có ảnh hưởng nhất định chứ. Các vị kiểm thử một con để lên mâm ăn đi coi có ăn được không! Đó cũng là sức lan tỏa đó.

Rồi một người tào lao, dốt nát, ngu xuẩn, ích kỷ, nhỏ mọn, mình nói đó là người tầm thường, không có sức gây ảnh hưởng thế giới. Có chớ sao không. Ai đã làm quý vị bức mình? Toàn là mấy người đó không hà. Như vậy thì từ con giòi đến một người xấu đều có sức lan tỏa. Và ngược lại, người thiện cũng vậy.

Mình thấy ra đường, một người đi ngược chiều mình, nếu là dân Âu Mỹ, lạ hoắc hà, họ cũng “Hi” cái, mình thấy mát ruột, đúng hôn? Còn cái dân châu Á mình, Ba Tàu, Việt Nam, đi ngược chiều mình cái mặt nó chăm bằm, giống như mình mới ăn của cha nó vậy đó, nhìn thấy ghét, thấy bức mình hông? Cho nên nhìn mặt là thấy ghét rồi, người lạ hoắc đó cũng có lan tỏa chứ không phải không.

Cho nên bài kinh một là nói về mùi hương ngược gió. Còn bài kinh hai, mình thấy chỉ một mình ngài Abhibhu mà sức lan tỏa của Ngài tới một ngàn vũ trụ, các vị thấy chưa?

Rồi nhờ ai, vì đâu Ngài có được sức lan tỏa ấy? Dạ thưa, sư phụ của Ngài chính là Đức Phật Sikhi.

Chưa hết. Đức Phật Sikhi và ngài Abhibhu đã Niết-bàn không để lại dấu vết. Vì sao ngày nay câu chuyện ấy về hai Ngài tiếp tục được nhắc lại trong cõi nhân gian này, vì đâu? Là vì Đức Bốn Sư chúng ta nhắc lại. Như vậy một lần nữa sức lan tỏa ấy lại sống dậy trong cuộc đời này, có phải không?

Như vậy thì khi các vị sống thiện, các vị liên tục tạo ra từ trường tích cực. Tạo ra sức ảnh hưởng, sức lan tỏa tích cực lên vô vàn chúng sinh. Về không gian, về thời gian, mình thấy sức lan tỏa ấy không bị hạn chế, không bị ảnh hưởng. Hai bài kinh này có nội dung liên hệ rất chặt chẽ là vậy. Ngài Abhibhu bây giờ đã mất rồi, nhưng câu chuyện của Ngài được kể lại thì vẫn đem lại niềm tin, niềm vui, niềm hoan hỷ, tùy hỷ của biết bao nhiêu thế hệ học Phật.

Hai bài kinh này nhằm đến nhiều ý nghĩa đặc biệt. Mà ý nghĩa quan trọng nhất là sống làm sao mà mình có thể để lại ảnh hưởng tốt cho đời. Nói như vậy không có nghĩa là mình cứ chăm bẵm vào sức ảnh hưởng đó, mà hãy nhớ thế này: anh tốt, thế giới tốt. Anh vui, thế giới vui. Anh thiện, thế giới cũng sẽ thiện.

Chữ “thiện” đây mình hiểu theo nghĩa người ta sẽ lây lan, cảm nhiễm, ảnh hưởng từ anh. Bây giờ các vị tự hỏi lòng mình đi. Một đứa học trò xấu trong trường có ảnh hưởng thế giới hay không? Tôi nói có.

Bởi vì mình đi học, mình gần đứa bạn tốt thì nó ảnh hưởng tới mình. Mai này mình lấy bằng tú tài, tốt nghiệp trung học. Mình sinh viên đại học. Mình ra trường, mình là một bác sĩ, một luật sư, có ai ngờ có những cái tật xấu của mình nó ảnh hưởng từ một thằng bạn chung lớp ngày xưa đó quý vị. Mình không có ngờ đâu.

Nó có tật ăn cắp vặt, có tật hay thừa gửi thầy cô, có tật hay nói xấu bạn bè, có tật hay tham. Mình tưởng cái đó nó không ảnh hưởng. Đừng nói như vậy.

Các nhà nghiên cứu tâm lý học Mỹ họ nói thế này: giai đoạn ảnh hưởng nghiêm trọng nhất trong đời con người là từ năm tuổi đến mười ba tuổi. Giai đoạn này, tốt xấu không biết, mà nó in vô trong đầu một đời không phai.

Cho nên một thằng học trò vô danh trong lớp, hỉ mũi chưa sạch, nó để lại dấu ấn rất đậm trong tâm tư của con mình, em mình, cháu mình. Rồi con em mình lớn lên, nó trở thành bác sĩ, kỹ sư, nó đi vào đời, nó mang theo cả tật xấu mà nó đã ảnh hưởng từ cái thằng học trò trường làng tào lao vô danh ngày xưa đó. Các vị có tin không?

Cho nên chỉ cần các vị sống tốt, tự nhiên các vị có sức ảnh hưởng tốt lên người khác. Tôi đâu dám nhận tôi tu tốt, nhưng ít ra mỗi buổi giảng này tôi để lại dấu ấn cho bà con. Tốt nhất để thưởng thức một bức tranh, mình ở khoảng cách thích hợp, mình ngắm nghía nó, miễn là bức tranh đó cho mình cảm hứng nghệ thuật đủ rồi.

Ở đây, bất cứ nghe ai giảng đạo, nói Pháp thì mình coi họ nói cái gì, và cái đó nó giúp được mình cái gì. Chớ đừng bận tâm hơn nữa. Nhe! Tôi đâu kêu quý vị trả tiền học phí cho tôi đâu mà các vị sợ, nghe!

Tiếp theo chúng ta học bài Kinh khác.

KINH SA MÔN

Này các tỳ kheo, có ba hạnh sa môn cần phải làm. Thứ nhất là trau dồi giới học, định học và tuệ học. Đây là ba cái sa môn hạnh.

Ngài nói trên đời này chân lý chỉ có một, nhưng cái tương tự chân lý thì có rất nhiều. Sa môn chỉ có một, nhưng kẻ giống sa môn có hơi nhiều.

Sa môn chỉ có một là sao? Tức là người có trau dồi, có tu tập giới, định, tuệ thì người đó mới được gọi là sa môn. Còn có những người hình thức sa môn mà không có nội dung sa môn thì loại này rất nhiều. Nhiều hơn là sa môn thứ thiệt, trong Kinh Ngài nói như vậy.

Ngài nói đầu mình có hình thức như thế nào, chỉ cần thiếu nội dung sa môn thì muôn đời chúng ta cũng không thể dự phần, góp mặt vào trong cảnh giới của các sa môn. Ngài nói giống như con lừa mà đi bên cạnh mấy con bò, đầu nó cố gắng nghĩ nó là bò thì vẫn là con lừa thôi. Các vị nghe kịp không?

Các vị có lẽ không hiểu vì đâu Ngài dùng ví dụ con bò, con lừa mà không dùng ví dụ khác. Bởi vì trong bối cảnh đó, Ngài hiểu tâm tư các tỳ kheo, Ngài dùng ví dụ này gần gũi với họ. Nhưng ở một hội chúng tỳ kheo khác thì Ngài sẽ dùng thí dụ khác. Cũng ở hội chúng tỳ kheo này, vào lúc khác, Ngài cũng sẽ dùng ví dụ khác. Nhưng với những vị này, với những căn cơ này, tâm tư tình cảm lúc này, trong bối cảnh này thì Ngài dùng ví dụ này. Chớ không phải Ngài đem mấy con này so với người tu hành đâu nghe. Trong room có hiểu không?

Một lẽ nữa là trong văn hóa Ấn Độ, con bò nó không tệ như văn hóa Việt Nam. Việt Nam mình cứ nói “lì như trâu, ngu như bò, ăn như heo, tham dục như dê”. Nhưng bên Ấn Độ, khi người ta nhắc đến con bò, người ta không có đính kèm theo đó những định kiến, những thành kiến tệ lậu như vậy.

Chẳng hạn như Đức Thế Tôn rất nhiều lần Ngài nói các vị Chánh Đăng Giác giống như một con bò chúa, giống như con voi chúa, giống như con sư tử chúa. Thì trong xứ Ấn Độ Ngài nói vậy người ta hiểu. Nhưng ở Việt Nam, nghe nói con bò chúa tự nhiên mình nghe hơi nản, vì hình ảnh con bò gắn liền với những nhận xét rất là tiêu cực. Nhe!

Nói thì phải nói luôn cho bà con biết vậy để khỏi ngạc nhiên.

Giờ tôi trở lại. Sa môn thì chỉ có một thôi, đó là những vị có Tam học. Còn những vị không có Tam học thì có nhiều bao nhiêu đi nữa, có hình thức y áo bao nhiêu đi nữa cũng là hạng sa môn giả hiệu. Cho nên Đức Phật mới dạy: “Vị tỳ kheo nên thường xuyên tâm niệm như sau:

À quên, cái chữ “tibba” tiếng Pali có nhiều nghĩa. Nó có nghĩa là “sắc bén” mà cũng có nghĩa là quyết liệt, khẩn trương, nghiêm trọng. Thí dụ đối với một chứng bệnh mà xài chữ tibba có nghĩa là nghiêm trọng. Còn đối với một ước muốn, một dự định thì chữ tibba có nghĩa là quyết liệt, kiên quyết. Còn đối với trí tuệ mà ta xài chữ tibba có nghĩa là bén nhạy. Đối với một vật bén nhọn, chữ tibba này có nghĩa là bén.

Ở đây Ngài Minh Châu, Ngài có khuynh hướng dịch theo Hán Tạng, trong bản Hán xài chữ “lợi” thì Ngài dịch trong tiếng Việt là chữ “bén” thôi. Chữ còn đứng ra ở đây có nghĩa là “quyết liệt”.

Bản dịch của Ngài thế này: “Sắc bén sẽ là ước muốn chúng ta thọ trì giới học. Sắc bén sẽ là ước muốn...”, đó là Ngài dịch sát.

Còn trong bản Pali, chúng ta đọc sẽ hiểu thế này: “Chúng ta sẽ có một tâm tu quyết liệt để trau dồi giới hạnh. Chúng ta sẽ có tâm tu quyết liệt để trau dồi Định. Sẽ có một tâm tu quyết liệt để trau dồi Tuệ.” Nhe!

Bởi vì nếu thiếu sự quyết liệt đó, thiếu sự khẩn trương đó thì ta không phải là sa môn. Chỉ là sa môn giả hiệu thôi, là sa môn hình thức thôi. Vẫn là một con lừa đi sau một bầy bò thôi.

Chúng ta tu tập như vậy không phải vì Phật, không phải vì Pháp, không phải vì Tăng, không phải vì bất cứ ai trong đời, mà chuyện đầu tiên là vì bản thân chúng ta.

Một người trau dồi Tam học, chuyện đầu tiên là họ được an lạc hiện tiền. Nếu đủ duyên ba la mật thì họ không còn sanh tử. Còn nếu duyên chưa đủ thì với sự tu tập nghiêm mật, cần cần như vậy, họ cũng có một đời sau, một kiếp khác ngon lành để mà tiếp tục tu tập Tam học nữa. Nghe! Mình làm cái đó cho mình chứ không phải cho ai, không cần người khác phải biết. Không cần phải la làng thông báo.

Khi mình thấy có mặt ở đời là khổ thì con đường duy nhất để mình hành trì chính là con đường thoát khổ. Con đường đó chính là Tam học. Trong Kinh nói, khi thấy sanh,

già, đau, chết, các thứ tai ương trong cõi trầm luân nó giống như lửa cháy trên đầu mình, lửa đang cháy trên thân mình, mình phải khẩn trương đối phó với nó để dập tắt. Người tu tập Tam học phải tu bằng tâm niệm này. Tu tập trong tâm niệm củi lửa đang cháy trên đầu mình. Chỉ có cách đó mới tinh tấn được.

Một chỗ khác Ngài dạy: “Hãy tận dụng thời gian kiếp người ngắn ngủi, giống như một người đang làm việc dưới nước phải cố gắng tranh thủ trước khi cái hơi mình nó hết.” Không biết các vị còn nhớ ví dụ này không? Giống như người đang lặn dưới nước để làm việc thì họ phải tranh thủ, họ làm cho nhanh, không dám hưỡn đãi, vì một lát nữa hơi sẽ cạn.

Ngài nói rằng mình phải dựa vào cái thân này để tu tập, nhưng không phải dựa vào nó để trân quý, yêu thương nó, quyến luyến nó. Mà dựa vào thân này để tu tập bằng một tâm trạng giống như người ta chết đuối, người ta phải dựa vào cái xác trôi sông vậy đó. Có nghĩa là phải dựa vào cái xác này, không để cái xác này vượt tay, bởi vì mình đang đuối, mình bơi không nổi nữa, hoặc là mình không biết bơi, mình phải vin vào cái xác này để vào bờ. Dựa vào nó.

Nhưng mà không quyến luyến, không đam mê, không thương thích nó.

Thì cái thân này cũng vậy. Nó đói, mình cho nó ăn. Nó khát, mình cho nó uống. Nó mệt, mình cho nó nghỉ ngơi. Nó bệnh hoạn, mình chăm sóc thuốc men cho nó. Khi nó nóng, mình phải làm cho nó mát. Khi nó lạnh, phải làm cho nó ấm. Mình chăm sóc nó nhưng luôn luôn trong cái tâm trạng rằng nó là một cái xác chết trôi sông, mà mình là người chết đuối, mình phải nương nó để vào bờ an toàn, thoát chết. Chớ còn nó không đáng gì để mình một đời quyến luyến, nâng niu, dính mắc vào nó. Các vị nghe kịp không? Nhớ cái này quan trọng lắm nghe!

Chớ có một số người lạm dụng câu nói cho rằng thân này không đáng quyến luyến, cứ như vậy rồi buông xuôi nó. Đó là những vị tu tập tinh tấn nhưng mà cực đoan. Ngược lại, cũng có những vị cho rằng cái thân này là chỗ dựa để mình tu hành. Họ

chỉ dựa vào chỗ đó thôi, thế là họ chăm sóc nó, làm cho nó đẹp, làm cho nó sướng, cho nó hưởng thụ các thứ tiện nghi. Thì như vậy cũng là một thứ cực đoan khác.

Người tu hành chỉ chăm sóc cái thân này ở mức cần và đủ. Cần đây nghĩa là nó cần cái gì thì chăm sóc theo nhu cầu của nó. Đủ ở đây nghĩa là không dư không thiếu. Như vậy là chăm sóc thân này ở mức cần và đủ, xem nó giống như là một xác chết trôi. Mình phải vin vào nó để vào bờ, chớ nó không có gì đáng để nắm níu.

Thậm chí trong Kinh còn dạy đối với người tu hành, mỗi lần ăn cơm, uống nước cũng nhớ rằng mình bất đắc dĩ giữ cái mạng này thì phải ăn thôi. Chớ còn mình luôn ăn bằng cái tâm trạng của một cái người đi sa mạc thiếu thức ăn mà phải ăn xác đũa con mình. Nói vậy nghe nó ghê mà nó là như vậy, nghe!

Bởi vì mình còn đam mê trong chuyện ăn, uống là mình đang gieo cái chủng tử dục giới. Thích ăn ngon, thích mặc đẹp là còn gieo chủng tử dục giới. Chủng tử là hạt giống, là mầm mống.

Nhớ cái này: thích ăn ngon mà chỉ cần thiếu phước là sẽ sanh làm cái loài ăn tạp; thích mặc đẹp sẽ sanh làm loài diêm đúa, sắc sỡ, lòe loẹt, làm ong, làm bướm, làm trùn, làm sâu. Nhớ nghe! Cho nên đây là lý do tại sao mình không nên đam mê tẩm thân này, không đam mê trong chuyện ăn ngon mặc đẹp là vậy đó. Thiếu phước một cái, sơ sẩy một cái, coi như nó lọt xuống dưới kia. Chớ không phải khơi khơi mà Đức Phật dạy mình đừng có luyến thân. Có lý do rùng rợn vậy.

Bài kinh nghề nông

Kinh nghề nông là gì? Ở đây dù chúng ta làm ruộng hay làm rẫy thì gọi chung là nghề nông. Tùy người diễn tả, giải thích khác nhau, nhưng căn bản vẫn là ba việc tối cần tối yếu mà Đức Phật nói ra ở đây. Làm ruộng, làm rẫy gì thì chuyện đầu tiên là dọn đất trước. Thứ hai là gieo giống. Thứ ba là chăm sóc cái mình đã gieo giống.

Dù các vị có xài phương tiện máy móc cỡ nào, dù có cày xới đất đai bằng máy, có gieo giống bằng trục thẳng, tưới tẩm bằng trục thẳng, bằng tự động gì đi nữa thì lời dạy của Phật vẫn đúng. Bởi vì Ngài nói muốn trồng thì chuyện đầu tiên là chúng ta phải hoàn tất ba chuyện căn bản: một là dọn đất, hai là cho hạt giống, cây giống xuống, bởi có những thứ không trồng bằng hạt mà trồng bằng cây con. Thứ ba là chăm sóc cái mà mình đã gieo trồng. Như vậy thời nào đi nữa thì bài Kinh này không có cũ, nghe!

Chăm sóc cái mình đã gieo trồng là sao? Nước. Mình đảm bảo đủ độ ẩm của nó thì nó mới phát triển được. Còn chuyện độ ẩm của nó ít nhiều thì tùy vào cái giống cây, nhưng căn bản là phải dọn đất. Chớ không thể trồng ở chỗ hoang vu, cây cỏ, đất đá um tùm được. Chuyện đầu tiên mình phải dọn đất, còn dọn ít dọn nhiều là tùy mình.

Thí dụ bên Thụy Sĩ có cách trồng rừng rất dễ thương, rất gọn. Họ có rừng cây mà thấy tới tuổi cần khai thác thì họ cưa. Họ làm chuyến khảo sát thăm dò coi cây nào cưa được thì xịt sơn đánh dấu cây đó. Sau đó họ trở lại cưa cây thành những khúc, phần cành nhánh cho xe chở về, phần này chẻ nhỏ ra hoặc xử lý thành nhỏ như dăm bào để làm landscape, hoặc những thứ rải lên tạo ẩm. Phần thân cây cắt khúc thì đem về dùng trong nghề mộc hoặc làm giấy gì đó lung tung.

Nhưng chuyện tôi muốn nói là sau khi họ đốn xong, họ không để chỗ đó trống. Mà sau đó họ dọn một chỗ trống thích hợp để đem cây con tới trồng xuống, xong dùng cái lưới lồng chụp lên cây mới trồng đó. Chỉ bao chụp chung quanh cây thôi, chớ phía trên ngọn cây để trống. Nói chung là một lưới sắt hình ống, họ chụp lên cây, bảo vệ nó. Nhưng họ không làm cỏ sạch nguyên một vùng, mà chỉ dọn sạch vừa đủ để họ khoét cái lỗ thả cây con xuống, rồi họ lấy lưới sắt chụp lên trên.

Như vậy, trồng nhiều trồng ít thì người ta phải dọn đất trước, chớ không phải trồng bừa lên chỗ cây cỏ rậm rạp. Như vậy muốn trồng gì thì đầu tiên phải dọn đất cho nó có chỗ thích hợp, ngon lành. Xong mới đưa cái cây đó xuống. Cho xuống rồi sau đó

thình thoảng quay lại ngó chừng coi cây đó có bị thú rừng hay ai đó phá hoại gì không.

Nãy giờ các vị tưởng tôi nói chuyện đời, nhưng không phải. Hành trình tu hành cũng vậy. Mình muốn gieo trồng cái gì trong đầu mình, trong cái đạo nghiệp mình thì chuyện đầu tiên mình phải dọn đất. Các vị có nghe chữ “tâm địa” không? Cái tâm mình được ví như đất. Có lúc trong Kinh nói “tâm viên ý mã” là muốn nói cái lăng xăng của tâm như ngựa, như khi. Nhưng khi nào trong Kinh nói tâm địa thì phải hiểu là tâm lúc bấy giờ được ví như là đất. Là sao? Có nghĩa là nó cần phải được dọn dẹp những cái cần dọn thì mình mới trồng Giới, trồng Định, trồng Tuệ lên đó được. Đó là chuyện thứ nhất.

Đầu tiên là mình phải có niềm tin. Mình dọn nó bằng niềm tin, dọn nó bằng chánh kiến. Dọn nó bằng trí tuệ cho nó sạch đi. Rồi mới trồng Giới, trồng Định, trồng Tuệ lên. Đó là bước một.

Bước hai, khi có Giới rồi đất nó lại tươi ra, xộp ra, sạch thêm chút nữa rồi mới có Định, có Tuệ. Đó là nói theo kiểu dễ hiểu đó, chớ thực ra tùy vào căn tánh chúng sanh, có những người cả ba cái này họ tu trong vòng tích tắc, họ tu chung. Có nghĩa là họ dọn đất xong họ trồng luôn. Dọn bao nhiêu trồng luôn bấy nhiêu.

Nói tới dọn đất đây là những bài học các vị bắt buộc phải ghi:

Người tu hành có hai trường hợp phải dọn đất tâm. Trường hợp một là biến tâm mình thành ra cái nền gạch bóng loáng khi cần thiết. Có trường hợp chúng ta phải dọn tâm mình trở thành cái nền đất không có gạch, không có lót đá gì hết.

“Dọn tâm là tùy thời mà lót gạch hay là dỡ gạch”. Đó gọi là dọn tâm. “Tùy”

“Thời lót gạch” là sao?

Cái nền gạch càng bóng loáng chừng nào thì cái dơ của nó càng dễ phát hiện chừng đó. Có nghĩa là có những trường hợp chúng ta phải lót gạch cái tâm mình, để có chút

trục trặc nào đó, một chút xúu phiền nào là lập tức chúng ta phát hiện liền. Đó là tu bằng cách tùy thời lót gạch.

Trường hợp hai tu là “tùy thời dỡ gạch”, tháo gạch là sao?

Các vị nhớ lại cái nền nhà bằng đất mà ba bốn ngày không quét, mình có thấy bụi hay không? Tại sao? Vì bụi và đất nó là một. Các vị nghe kịp không? Cái nhà bằng gạch, ba ngày không quét, mình nhìn mình thấy bụi nó nổi bật. Cái hay của nền gạch là nó có một chút xúu dơ mình phát hiện ngay. Nhưng cái hay của nền đất là gì? Là bụi bao nhiêu mình cũng không thấy vì bụi và đất nó là một.

Có những trường hợp hành giả phải lót gạch tâm mình để mình kịp thời phát hiện cái nào là tham, sân, si, bất thiện, để mình kịp thời mình giải quyết, đối phó nó. Còn trường hợp tu mình biến tâm mình thành nền đất là sao? Bởi vì khi tâm mình trở thành nền đất thì mình mới có khả năng hứng chịu bao nhiêu thứ thị phi trong đời. Có lúc mình biến tâm mình thành đất để cho nó dễ thấm nước, dễ miễn nhiễm bụi, vì bụi có vô cũng không làm gì nó hết. Chúng ta phải giữ cái tâm như là “đất” để cho bao nhiêu thứ thị phi trong đời không làm ảnh hưởng mình. Đời nó có chửi mình, mình cũng vậy. Mà nó có khen mình, mình cũng như vậy. Mình không hề có một phân biệt giữa khen và chê.

Như vậy, tùy thời mà lót gạch hay dỡ gạch cái nội tâm của mình thì gọi chung hai công phu này chính là dọn đất. Tam học có cái tác dụng là dọn đất.

Bước 2: Khi tu tập Tam học cũng có nghĩa là ta đang gieo trồng hạt giống mà mình muốn gieo trồng. Trong dòng sanh tử luân hồi ta gieo đủ thứ hạt, nhưng toàn là những thứ hạt, những thứ giống cây hại mình hại người như là lá ngón nè, mắt mèo nè, và vô số những loại bông hoa, cây trái độc hại, hại mình hại người. Bây giờ biết Phật Pháp rồi thì chúng ta chỉ gieo những gì cần thiết và phải nhổ bỏ cái gì không cần thiết. Cho nên công phu 1 là dọn đất, công phu 2 là gieo trồng. Mà gieo trồng những

cái có lợi cho mình, cho người, đời này, đời sau. Và gieo trồng cái gì để mai mốt không còn gieo trồng nữa. Nhe!

Trong Kinh nói có lần đức Phật đi bát ngang một cánh đồng. Có một ông đó đang cày ruộng, nhìn thấy Ngài ổng nói:

“Khỏe mạnh như vậy mà không chịu đi làm, ngày nào cũng đi xin ăn.”

Thì Ngài nói:

“Không. Ta xin lần này là lần chót. Kiếp này là kiếp cuối cùng ta đi khất thực đây. Ta không còn lý do để quay lại khất thực nữa. Ta tu hành bao nhiêu kiếp với mục đích là lần này là lần kết thúc. Còn người, nếu người không tu tập, không hiểu biết Chánh Pháp thì người còn biết bao nhiêu lần có mặt trên cánh đồng để mà cày xới làm nông phu, chăm sóc trâu, chăm sóc bò như bây giờ nữa.”

Ngài nói xong Ngài đọc một bài kệ:

“Lần này và lần khác,
Người thiện được sanh thiên.
Lần này và lần khác,
Người ác bị sa đọa.
Lần này và lần khác,
Phàm phu bị sanh tử.”

Ổng nghe, ổng liệng hết mọi thứ, ổng leo lên bờ quỳ sụp dưới chân, ổng nói:

“Dạ con hiểu rồi. Con không muốn cày nữa. Con ngán mấy con bò lắm rồi. Con muốn theo Ngài, mọi sự lần này là lần cuối. Con không muốn đi nữa.”

Thế là ổng leo lên bờ, theo Phật xuất gia và sau đó chứng quả La Hán.

Bài kệ Kinh đó rất là hay. Tôi nhớ trong Kinh đức Phật dùng chữ (...):

“Lần này và lần khác,
Người thiện được sanh thiên.
Lần này rồi lần khác,
Kẻ ác bị sa đọa.
Lần này rồi lần khác,
Phàm phu phải sanh tử.”

Rất là hay!

Cho nên hồi xưa giờ mình trồng toàn cái thứ nó bắt mình làm nông dân hoài. Bây giờ mình trồng thứ gì mà đừng làm nông dân nữa. Trồng cái cú này xong, mùa này xong thành tỷ phú rồi là coi như vẫy tay chào ruộng, chào rẫy luôn. Chớ còn làm giàu, càng giàu để đủ tiền mua máy xúc, mua máy cày, mua trâu nữa. Như vậy giàu kiểu này là tiếp tục trở lại làm nông dân. Bây giờ mình làm giàu kiểu gì, mình trồng trọt kiểu gì mà đừng có trở lại ruộng đồng nữa. Nhe!

Thứ ba, dọn đất rồi, gieo trồng rồi đâu đủ đâu, còn phải chăm sóc nó nữa. Có bao nhiêu thứ nắng, gió, mưa, sương, nhiều quá nó cũng chết mà ít quá nó cũng chết, cho nên phải liên tục chăm sóc nó.

Như vậy thì Giới, Định và Tuệ là những hạt giống mà đồng thời cũng là những nền đất. Mình phải dọn tâm để tu tập ba thứ này. Khi tu tập ba thứ này cũng có nghĩa là ta đang dọn tâm. Nhớ nghe!

Khi tu tập ba thứ này là chúng ta đang gieo hạt giống giải thoát. Gieo xong rồi, khi ta tu tập cũng có nghĩa là vừa gieo vừa chăm sóc. Tam học độc đáo như vậy. Khi tu tập Tam học là chúng ta vừa làm chuyện dọn đất, vừa làm chuyện gieo trồng, vừa làm chuyện chăm sóc những thứ mà mình đã gieo trồng.

Khi mình tu Tam học, cái Tam học hôm qua là miếng đất cho Tam học sáng nay. Mà cái Tam học bữa nay lại là miếng đất cho ngày mai. Rồi cái hạt giống Tam học ngày hôm qua, hôm nay cũng nhờ miếng đất hôm nay mà nó phát triển. Và sự tu tập hôm

nay nó lại chăm sóc cho hạt giống hôm qua tốt hơn. Như vậy thì dọn đất, gieo trồng và chăm sóc, ba cái này cùng lúc được thực hiện khi mà chúng ta tu tập Tam học. Các vị có nghe kịp không?

OK. Hết giờ rồi. Hẹn các vị ngày mai. Lúc này tôi giảng mỗi ngày nên tôi không nhất thiết phải giảng hai tiếng, mệt lắm các vị biết không?

Dạ rồi. Chúc các vị một ngày vui nghe. Ngủ ngon!